VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ[1]

Hướng dẫn mua lại, hoán đổi công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương tại thị trường trong nước

Thông tư số 110/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn mua lại, hoán đổi công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương tại thị trường trong nước, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 81/2020/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn mua lại, hoán đổi công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương tại

---

[1] Văn bản này được hợp nhất từ 02 Thông tư sau:

- Thông tư số 110/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn mua lại, hoán đổi công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương tại thị trường trong nước, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Thông tư số 81/2020/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn mua lại, hoán đổi công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương tại thị trường trong nước và Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2020 (Sau đây gọi là Thông tư số 81/2020/TT-BTC).

Văn bản hợp nhất này không thay thế 02 Thông tư nêu trên.

thị trường trong nước và Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2020.

Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 23 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 91/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26 tháng 6 năm 2018 về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 93/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30 tháng 6 năm 2018 quy định về quản lý nợ của chính quyền địa phương;

Căn cứ Nghị định số 94/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30 tháng 6 năm 2018 về nghiệp vụ quản lý nợ công;

Căn cứ Nghị định số 95/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30 tháng 6 năm 2018 quy định về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ Chính phủ trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26 tháng 7 năm 2017 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn mua lại, hoán đổi công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương tại thị trường trong nước.[2]

---

[2] Thông tư số 81/2020/TT-BTC có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 23 tháng 11 năm 2017;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 95/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ Chính phủ trên thị trường chứng khoán;

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về tổ chức mua lại, hoán đổi công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh do ngân hàng chính sách phát hành và trái phiếu chính quyền địa phương tại thị trường trong nước (sau đây gọi tắt là công cụ nợ); chế độ công bố thông tin và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức mua lại, hoán đổi công cụ nợ.

2. Đối tượng áp dụng

a) Chủ thể tổ chức phát hành công cụ nợ;

b) Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam;

c) Chủ sở hữu công cụ nợ tham gia mua lại, hoán đổi và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc mua lại, hoán đổi công cụ nợ.

Căn cứ Nghị định số 91/2018/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 93/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý nợ của chính quyền địa phương;

Căn cứ Nghị định số 94/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về nghiệp vụ quản lý nợ công;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn mua lại, hoán đổi công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương tại thị trường trong nước và Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước."

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Ngoài các thuật ngữ đã được giải thích tại Nghị định số 95/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30 tháng 6 năm 2018 quy định về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán (sau đây gọi tắt là Nghị định số 95/2018/NĐ-CP) và Nghị định số 94/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 về nghiệp vụ quản lý nợ công (sau đây gọi tắt là Nghị định số 94/2018/NĐ-CP), trong Thông tư này, các thuật ngữ được hiểu như sau:

1. "Công cụ nợ" bao gồm:

a) Công cụ nợ của Chính phủ;

b) Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh do ngân hàng chính sách phát hành;

c) Trái phiếu chính quyền địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phát hành.

2."Chủ thể tổ chức phát hành" bao gồm:

a) Kho bạc Nhà nước đối với phát hành công cụ nợ của Chính phủ;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với phát hành trái phiếu chính quyền địa phương;

c) Ngân hàng chính sách đối với phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh.

3. *"Chủ sở hữu công cụ nợ"* là tổ chức, cá nhân nắm giữ công cụ nợ

4. *"Lãi suất danh nghĩa của công cụ nợ"* là tỷ lệ phần trăm (%) lãi hàng năm tính trên mệnh giá mà chủ thể tổ chức phát hành công cụ nợ phải thanh toán cho chủ sở hữu theo các điều kiện, điều khoản phát hành công cụ nợ.

5. "*Kỳ hạn còn lại*" là thời gian thực tế tính từ ngày mua lại công cụ nợ, ngày hoán đổi công cụ nợ đến ngày công cụ nợ đáo hạn.

6. *"Ngày tổ chức mua lại, hoán đổi công cụ nợ"* là:

a) Ngày chủ thể tổ chức phát hành thỏa thuận và ký hợp đồng mua lại, hoán đổi công cụ nợ theo phương thức thỏa thuận.

b) Ngày chủ thể tổ chức phát hành tổ chức đấu thầu mua lại, đấu thầu hoán đổi công cụ nợ theo phương thức đấu thầu.

7. *"Mua lại công cụ nợ"* là việc chủ thể tổ chức phát hành mua lại công cụ nợ trước ngày đáo hạn.

8. *"Bán lại công cụ nợ"* là việc chủ sở hữu bán lại công cụ nợ cho chủ thể tổ chức phát hành trước ngày đáo hạn.

9. "Ngày mua lại công cụ nợ" là ngày chủ thể tổ chức phát hành thanh toán tiền mua lại công cụ nợ cho chủ sở hữu.

10. *"Lãi suất mua lại công cụ nợ"* là lãi suất trúng thầu hoặc lãi suất thỏa thuận do chủ thể tổ chức phát hành quyết định trên cơ sở kết quả đấu thầu hoặc kết quả thỏa thuận mua lại công cụ nợ theo quy định tại Thông tư này.

11. *"Hoán đổi công cụ nợ"* là việc cùng mua, cùng bán hai (02) mã công cụ nợ khác nhau của cùng một chủ thể tổ chức phát hành tại cùng một thời điểm với mục tiêu quản lý danh mục nợ.

12. "*Công cụ nợ bị hoán đổi*" là loại công cụ nợ đang lưu hành được lựa chọn để hoán đổi với công cụ nợ được hoán đổi.

13. "*Công cụ nợ được hoán đổi*" là công cụ nợ phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung được lựa chọn để hoán đổi cho các loại công cụ nợ bị hoán đổi.

14. "*Ngày hoán đổi công cụ nợ*" là ngày phát hành công cụ nợ được hoán đổi để hoán đổi cho công cụ nợ bị hoán đổi.

15. "*Lãi suất hoán đổi công cụ nợ*" là lãi suất chiết khấu dùng làm căn cứ để xác định giá công cụ nợ bị hoán đổi, giá công cụ nợ được hoán đổi.

Điều 3. Lãi suất mua lại, hoán đổi công cụ nợ

1. Bộ Tài chính quyết định khung lãi suất mua lại, khung lãi suất hoán đổi công cụ nợ trong từng thời kỳ hoặc cho từng đợt mua lại, hoán đổi.

2. Căn cứ vào khung lãi suất mua lại công cụ nợ, khung lãi suất hoán đổi công cụ nợ quy định tại Khoản 1 Điều này, chủ thể tổ chức phát hành quyết định lãi suất mua lại đối với từng đợt mua lại, quyết định lãi suất hoán đổi đối với từng đợt hoán đổi.

Điều 4. Nguyên tắc mua lại, hoán đổi công cụ nợ

1. Việc mua lại, hoán đổi công cụ nợ phải thực hiện theo đề án hoặc phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về phát hành công cụ nợ, cụ thể như sau:

a) Đối với công cụ nợ Chính phủ, thực hiện theo đề án mua lại, hoán đổi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy định tại Khoản 1 Điều 24, Khoản 1 Điều 25 Nghị định số 95/2018/NĐ-CP.

b) Đối với trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, thực hiện theo phương án mua lại, hoán đổi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy định tại Khoản 7 Điều 49 Nghị định số 91/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26 tháng 6 năm 2018 về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ.

c) Đối với trái phiếu Chính quyền địa phương, thực hiện theo phương án mua lại, hoán đổi được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quy định tại Khoản 6, Khoản 7 Điều 8 Nghị định số 93/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30 tháng 6 năm 2018 quy định về quản lý nợ của chính quyền địa phương.

2. Đảm bảo theo giá thị trường tại thời điểm thực hiện; công khai, minh bạch trong tổ chức mua lại, hoán đổi công cụ nợ.

3. Tuân thủ quy định của Thông tư này và pháp luật có liên quan.

Điều 5. Phương thức mua lại, hoán đổi công cụ nợ

1. Việc mua lại, hoán đổi công cụ nợ được thực hiện theo một (01) trong hai (02) phương thức sau:

a) Thỏa thuận trực tiếp với các chủ sở hữu công cụ nợ;

b) Đấu thầu qua Sở giao dịch chứng khoán. Kho bạc Nhà nước có thể trực tiếp tổ chức đấu thầu mua lại, hoán đổi công cụ nợ của Chính phủ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Chủ thể tổ chức phát hành công cụ nợ quyết định phương thức mua lại, hoán đổi theo đề án, phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và thông báo cụ thể phương thức mua lại, hoán đổi công cụ nợ trước khi tổ chức thực hiện.

Điều 6. Điều kiện đối với công cụ nợ được mua lại, được hoán đổi, bị hoán đổi

1. Đối với công cụ nợ được mua lại:

a) Là công cụ nợ chưa đến ngày đáo hạn.

b) Không bị ràng buộc trong các quan hệ về giao dịch đảm bảo từ thời điểm đăng ký tham gia bán lại công cụ nợ theo phương thức thỏa thuận hoặc từ ngày tổ chức đấu thầu mua lại công cụ nợ.

2. Đối với công cụ nợ được hoán đổi:

a) Trường hợp phát hành bổ sung phải đảm bảo công cụ nợ có điều kiện, điều khoản như điều kiện, điều khoản của công cụ nợ đang lưu hành.

b) Trường hợp công cụ nợ phát hành lần đầu tiên thì điều kiện, điều khoản của công cụ nợ do chủ thể tổ chức phát hành quyết định.

3. Đối với công cụ nợ bị hoán đổi, đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này.

Chương II
TỔ CHỨC MUA LẠI CÔNG CỤ NỢ

Mục 1
MUA LẠI CÔNG CỤ NỢ THEO PHƯƠNG THỨC THỎA THUẬN

Điều 7. Các bước mua lại công cụ nợ đăng ký, lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam

1. Tối thiểu năm (5) ngày làm việc trước ngày tổ chức mua lại, chủ thể tổ chức phát hành công bố thông tin về đợt mua lại công cụ nợ trên trang điện tử của chủ thể tổ chức phát hành, Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Nội dung thông báo gồm:

a) Điều khoản của công cụ nợ dự kiến được mua lại, bao gồm: mã, quy mô của mã, ngày phát hành lần đầu, ngày đáo hạn, lãi suất danh nghĩa, phương thức thanh toán gốc, lãi;

b) Khối lượng công cụ nợ dự kiến mua lại đối với từng mã;

c) Ngày cuối cùng chủ sở hữu công cụ nợ hoặc tổ chức được chủ sở hữu công cụ nợ ủy quyền thực hiện đăng ký tham gia bán lại, đảm bảo tối thiểu ba (03) ngày làm việc trước ngày tổ chức mua lại;

d) Ngày Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam thực hiện phong tỏa công cụ nợ trên tài khoản lưu ký của chủ sở hữu đã đăng ký tham gia bán lại, đảm bảo tối thiểu là hai (02) ngày làm việc trước ngày tổ chức mua lại;

đ) Ngày tổ chức mua lại và ngày mua lại dự kiến.

2. Căn cứ thông báo về đợt mua lại công cụ nợ quy định tại Khoản 1 Điều này, chủ sở hữu hoặc tổ chức được chủ sở hữu ủy quyền thực hiện đăng ký bán lại công cụ nợ với chủ thể tổ chức phát hành theo mẫu tại Phụ lục 1 Thông tư này. Các đơn đăng ký bán lại nộp sau ngày đăng ký bán lại cuối cùng là không hợp lệ.

3. Sau ngày cuối cùng đăng ký bán lại công cụ nợ, căn cứ thông tin đăng ký bán lại, chủ thể tổ chức phát hành thông báo cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam để phong tỏa số công cụ nợ đăng ký bán lại theo mẫu tại Phụ lục 2 Thông tư này. Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam thực hiện phong tỏa số công cụ nợ đăng ký bán lại của chủ sở hữu và thông báo cho chủ thể tổ chức phát hành về việc phong tỏa.

4. Vào ngày tổ chức mua lại, căn cứ thông tin đăng ký bán lại của chủ sở hữu, thông báo phong tỏa công cụ nợ đăng ký bán lại của Trung tâm Lưu ký Chứng

khoán Việt Nam, chủ thể tổ chức phát hành thực hiện thỏa thuận, thống nhất với các chủ sở hữu hoặc tổ chức được chủ sở hữu ủy quyền về điều khoản mua lại công cụ nợ. Nội dung thỏa thuận gồm:

a) Khối lượng công cụ nợ mua lại đối với mỗi mã;

b) Mức lãi suất mua lại đối với mỗi mã công cụ nợ theo quy định tại Điều 3 Thông tư này;

c) Ngày mua lại;

d) Giá một công cụ nợ mua lại xác định theo quy định tại Điều 13 Thông tư này;

đ) Tổng số tiền mua lại công cụ nợ được xác định bằng số lượng công cụ nợ mua lại nhân với giá mua một (01) công cụ nợ.

5. Trên cơ sở kết quả thỏa thuận, trong ngày tổ chức mua lại chủ thể tổ chức phát hành và chủ sở hữu hoặc tổ chức được chủ sở hữu ủy quyền ký hợp đồng về việc mua lại theo mẫu tại Phụ lục 3 Thông tư này.

6. Chậm nhất một (01) ngày làm việc sau ngày tổ chức mua lại, chủ thể tổ chức phát hành thông báo cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch chứng khoán kết quả thỏa thuận mua lại theo mẫu tại Phụ lục 4 Thông tư này. Căn cứ thông báo của chủ thể tổ chức phát hành, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam tiếp tục phong tỏa đối với công cụ nợ đã ký hợp đồng mua lại và ngừng phong tỏa đối với công cụ nợ không được mua lại.

7. Vào ngày mua lại công cụ nợ theo hợp đồng đã ký với chủ sở hữu, chủ thể tổ chức phát hành chuyển tiền mua lại công cụ nợ cho chủ sở hữu công cụ nợ theo quy định tại Điều 22 Thông tư này.

8. Việc hủy niêm yết, hủy đăng ký, rút lưu ký công cụ nợ được mua lại thực hiện theo quy định tại Điều 25 Thông tư này.

9. Kết thúc đợt mua lại, chủ thể tổ chức phát hành công bố thông tin về kết quả mua lại công cụ nợ theo quy định tại Điều 27 Thông tư này.

Điều 8. Các bước mua lại công cụ nợ không đăng ký, lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam

1. Căn cứ đề án, phương án mua lại công cụ nợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chủ thể tổ chức phát hành thỏa thuận, thống nhất với các chủ sở hữu hoặc tổ chức được chủ sở hữu ủy quyền về điều khoản mua lại công cụ nợ. Nội dung thỏa thuận gồm:

a) Khối lượng công cụ nợ mua lại;

b) Mức lãi suất mua lại theo quy định tại Điều 3 Thông tư này;

c) Ngày mua lại;

d) Giá một công cụ nợ mua lại;

đ) Tổng số tiền mua lại công cụ nợ.

2. Trên cơ sở kết quả thỏa thuận, chủ thể tổ chức phát hành và chủ sở hữu hoặc tổ chức được chủ sở hữu ủy quyền ký hợp đồng về việc mua lại theo mẫu tại Phụ lục 3 Thông tư này.

3. Vào ngày mua lại công cụ nợ theo hợp đồng đã ký với chủ sở hữu, chủ thể tổ chức phát hành chuyển tiền mua lại công cụ nợ cho chủ sở hữu công cụ nợ theo quy định tại Khoản 2 Điều 22 Thông tư này.

Mục 2
MUA LẠI CÔNG CỤ NỢ THEO PHƯƠNG THỨC ĐẤU THẦU

Điều 9. Nguyên tắc đấu thầu, hình thức đấu thầu và phương thức xác định kết quả trúng thầu

1. Nguyên tắc đấu thầu

a) Bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ giữa các nhà tạo lập thị trường theo đúng quy định của pháp luật;

b) Bảo mật mọi thông tin dự thầu của nhà tạo lập thị trường.

2. Hình thức đấu thầu

Đấu thầu mua lại công cụ nợ được thực hiện theo một (01) trong hai (02) hình thức, gồm:

a) Đấu thầu cạnh tranh lãi suất;

b) Đấu thầu kết hợp cạnh tranh lãi suất và không cạnh tranh lãi suất.

Trường hợp đợt đấu thầu được tổ chức theo hình thức kết hợp cạnh tranh lãi suất và không cạnh tranh lãi suất thì tổng khối lượng công cụ nợ mua lại từ nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất đảm bảo không vượt quá 30% tổng khối lượng công cụ nợ gọi thầu mua lại trong phiên đấu thầu.

3. Phương thức xác định kết quả trúng thầu

Kết quả trúng thầu công cụ nợ được xác định theo một (01) trong hai (02) phương thức sau:

a) Đơn giá;

b) Đa giá.

4. Chủ thể tổ chức phát hành công cụ nợ thông báo cụ thể về hình thức đấu thầu, phương thức xác định kết quả trúng thầu đối với mỗi đợt đấu thầu mua lại công cụ nợ.

Điều 10. Đối tượng được tham gia đấu thầu mua lại công cụ nợ

1. Là nhà tạo lập thị trường công cụ nợ của Chính phủ theo thông báo hàng năm của Bộ Tài chính..

2. Nhà tạo lập thị trường bán lại công cụ nợ thuộc sở hữu của mình hoặc bán lại công cụ nợ của khách hàng theo ủy quyền của chủ sở hữu công cụ nợ.

Điều 11. Các bước đấu thầu mua lại công cụ nợ

1. Tối thiểu bốn (4) ngày làm việc trước ngày tổ chức mua lại, chủ thể tổ chức phát hành công bố thông tin trên trang điện tử của chủ thể tổ chức phát hành và đề

nghị Sở Giao dịch chứng khoán gửi thông báo cho các nhà tạo lập thị trường và công bố thông tin trên trang điện tử của Sở Giao dịch chứng khoán. Nội dung thông báo bao gồm:

a) Mã công cụ nợ tổ chức mua lại;

b) Quy mô của mã, ngày phát hành lần đầu, ngày đáo hạn, lãi suất danh nghĩa, phương thức thanh toán gốc, lãi công cụ nợ;

c) Khối lượng công cụ nợ dự kiến mua lại đối với từng mã;

d) Ngày tổ chức mua lại và ngày mua lại công cụ nợ;

đ) Hình thức đấu thầu, phương thức xác định kết quả đấu thầu.

2. Chậm nhất vào 10 giờ 30 phút ngày tổ chức mua lại, nhà tạo lập thị trường gửi Sở Giao dịch chứng khoán thông tin dự thầu theo mẫu đăng ký dự thầu do Sở Giao dịch Chứng khoán quy định. Mỗi nhà tạo lập thị trường và mỗi khách hàng của nhà tạo lập thị trường dự thầu cạnh tranh lãi suất được phép đặt tối đa năm (05) mức dự thầu đối với mỗi mã công cụ nợ gọi thầu. Mỗi mức đặt thầu bao gồm lãi suất dự thầu (tính đến 2 chữ số thập phân) và khối lượng công cụ nợ dự thầu tương ứng. Đối với trường hợp đấu thầu cho khách hàng, nhà tạo lập thị trường phải cung cấp đầy đủ tên khách hàng, mức lãi suất và khối lượng dự thầu tương ứng của mỗi khách hàng.

3. Chậm nhất mười lăm (15) phút sau thời gian đăng ký dự thầu cuối cùng quy định tại Khoản 4 Điều này, Sở Giao dịch Chứng khoán mở thầu, tổng hợp thông tin dự thầu và gửi cho chủ thể tổ chức phát hành công cụ nợ.

4. Căn cứ thông tin dự thầu tổng hợp nhận từ Sở Giao dịch Chứng khoán, chủ thể tổ chức phát hành xác định mức lãi suất mua lại đối với mỗi mã gọi thầu và thông báo cho Sở Giao dịch Chứng khoán để xác định kết quả đấu thầu công cụ nợ theo quy định tại Điều 12 Thông tư này.

5. Kết thúc phiên đấu thầu mua lại, Sở Giao dịch chứng khoán thông báo kết quả đấu thầu cho nhà tạo lập thị trường bằng dữ liệu điện tử thông qua hệ thống

đấu thầu điện tử và thông báo cho chủ thể tổ chức phát hành, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 Thông tư này.

6. Căn cứ thông báo của Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam thực hiện phong tỏa công cụ nợ đã trúng thầu mua lại.

7. Vào ngày mua lại, chủ thể tổ chức phát hành thực hiện chuyển tiền mua lại công cụ nợ theo quy định tại Điều 22 Thông tư này.

8. Việc hủy niêm yết, hủy đăng ký, rút lưu ký công cụ nợ thực hiện theo quy định tại Điều 25 Thông tư này.

9. Kết thúc đợt mua lại, các đơn vị thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 27 Thông tư này.

Điều 12. Xác định kết quả đấu thầu

1. Việc xác định lãi suất trúng thầu, khối lượng trúng thầu và giá mua lại công cụ nợ được căn cứ vào các yếu tố sau:

a) Khối lượng công cụ nợ gọi thầu mua lại;

b) Lãi suất và khối lượng công cụ nợ dự thầu mua lại;

c) Khung lãi suất tối thiểu mua lại công cụ nợ theo quy định tại Điều 3 Thông tư này.

2. Phương pháp xác định lãi suất trúng thầu:

a) Đối với phương thức đấu thầu mua lại đơn giá: Lãi suất trúng thầu là mức lãi suất dự thầu thấp nhất, áp dụng chung cho tất cả các nhà tạo lập thị trường (đấu thầu cạnh tranh và không cạnh tranh lãi suất) và được xét chọn theo thứ tự từ cao đến thấp của lãi suất dự thầu, thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Trong khung lãi suất tối thiểu mua lại do Bộ Tài chính quy định;

- Khối lượng công cụ nợ mua lại tính lũy kế đến mức lãi suất trúng thầu không vượt quá khối lượng công cụ nợ thông báo mua lại.

b) Đối với phương thức đấu thầu mua lại đa giá:

- Lãi suất trúng thầu áp dụng cho mỗi nhà nhà đầu tư cạnh tranh lãi suất là mức lãi suất dự thầu của nhà đầu tư đó được xét chọn theo thứ tự từ cao đến thấp của lãi suất dự thầu, thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

+ Bình quân gia quyền các mức lãi suất trúng thầu không thấp hơn khung lãi suất tối thiểu mua lại công cụ nợ do Bộ Tài chính quy định;

+ Khối lượng công cụ nợ mua lại tính lũy kế đến mức lãi suất trúng thầu thấp nhất không vượt quá khối lượng công cụ nợ gọi thầu.

- Lãi suất trúng thầu áp dụng cho các nhà đầu tư đặt thầu dưới hình thức không cạnh tranh lãi suất là bình quân gia quyền của các mức lãi suất trúng thầu, được làm tròn xuống tới hai (02) chữ số thập phân.

3. Phương pháp xác định khối lượng công cụ nợ trúng thầu:

a) Đối với công cụ nợ được đấu thầu dưới hình thức cạnh tranh lãi suất:

Khối lượng công cụ nợ mua lại từ mỗi nhà đầu tư dự thầu cạnh tranh lãi suất tương đương với khối lượng công cụ nợ dự thầu của nhà đầu tư đó. Trường hợp tại mức lãi suất trúng thầu thấp nhất, khối lượng dự thầu tính lũy kế đến mức lãi suất trúng thầu thấp nhất vượt quá khối lượng gọi thầu thì sau khi đã trừ đi khối lượng dự thầu ở các mức lãi suất cao hơn, phần còn lại của khối lượng gọi thầu được phân bổ cho các nhà đầu tư dự thầu tại mức lãi suất trúng thầu thấp nhất theo tỷ lệ tương ứng với khối lượng dự thầu. Khối lượng công cụ nợ phân bổ cho các nhà đầu tư được làm tròn xuống hàng 10.000 (mười nghìn) đơn vị. Phần lẻ còn lại sau khi làm tròn được phân bổ cho nhà đầu tư đầu tiên đặt thầu tại mức lãi suất trúng thầu thấp nhất, trường hợp phân bổ phần lẻ vượt quá mức đặt thầu của nhà đầu tư này thì phần vượt quá được phân bổ cho nhà đầu tư đặt thầu tiếp theo cho đến hết khối lượng công cụ nợ gọi thầu.

b) Đối với công cụ nợ được đấu thầu dưới hình thức kết hợp cạnh tranh lãi suất và không cạnh tranh lãi suất:

- Khối lượng công cụ nợ mua lại từ mỗi nhà đầu tư dự thầu cạnh tranh lãi suất tương đương với khối lượng dự thầu của nhà đầu tư đó. Trường hợp tại mức lãi suất trúng thầu thấp nhất, khối lượng dự thầu tính lũy kế đến mức lãi suất trúng thầu thấp nhất vượt quá khối lượng gọi thầu, thì sau khi đã trừ đi khối lượng mua lại từ các nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất và khối lượng dự thầu ở các mức lãi suất cao hơn, phần còn lại được phân bổ cho các nhà đầu tư dự thầu tại mức lãi suất trúng thầu thấp nhất theo tỷ lệ tương ứng với khối lượng dự thầu và được làm tròn xuống hàng 10.000 (mười nghìn) đơn vị. Phần lẻ còn lại sau khi làm tròn được phân bổ cho nhà đầu tư đầu tiên đặt thầu tại mức lãi suất trúng thầu thấp nhất, trường hợp phân bổ phần lẻ vượt quá mức đặt thầu của nhà đầu tư này thì phần vượt quá được phân bổ cho nhà đầu tư đặt thầu tiếp theo cho đến hết khối lượng công cụ nợ gọi thầu trừ đi khối lượng công cụ nợ mua lại từ các nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất.

- Khối lượng công cụ nợ mua lại từ mỗi nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất tương đương với khối lượng dự thầu của nhà đầu tư đó. Trường hợp tổng khối lượng dự thầu vượt quá giới hạn quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 9 Thông tư này, khối lượng công cụ nợ mua lại từ mỗi nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất được phân bổ theo tỷ lệ tương ứng với khối lượng dự thầu của nhà đầu tư đó và được làm tròn xuống hàng 10.000 (mười nghìn) đơn vị. Phần lẻ còn lại sau khi làm tròn được phân bổ cho nhà đầu tư đầu tiên đặt thầu không cạnh tranh lãi suất, trường hợp phân bổ phần lẻ vượt quá mức đặt thầu không cạnh tranh lãi suất của nhà đầu tư này thì phần vượt quá được phân bổ cho nhà đầu tư đặt thầu tiếp theo cho đến hết khối lượng công cụ nợ gọi thầu không cạnh tranh lãi suất.

- Trường hợp tất cả các nhà đầu tư dự thầu cạnh tranh lãi suất không trúng thầu, công cụ nợ sẽ không được mua lại từ các nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất.

Ví dụ minh họa xác định lãi suất trúng thầu và phân bổ khối lượng trúng thầu tại 0 Thông tư này.

4. Tổng số tiền mua lại công cụ nợ được xác định bằng khối lượng công cụ nợ mua lại từ chủ sở hữu nhân với giá mua một (01) công cụ nợ.

5. Giá mua lại một (01) công cụ nợ được xác định theo Điều 13 Thông tư này.

Điều 13. Xác định giá mua lại một (01) công cụ nợ[3]

1. Xác định giá mua lại một (01) công cụ nợ không thanh toán lãi định kỳ

a) Đối với tín phiếu Kho bạc

$$G = \frac{MG}{1 + \frac{L_t \times n}{365}}$$

Trong đó:

G = Giá một (01) tín phiếu (được làm tròn xuống đơn vị đồng);

MG = Mệnh giá tín phiếu;

L_t = Lãi suất chiết khấu áp dụng với tín phiếu bị mua lại (%/365 ngày);

n = Số ngày thực tế kể từ ngày mua lại tín phiếu tới ngày tín phiếu đáo hạn.

b) Đối với công cụ nợ không thanh toán lãi định kỳ khác có kỳ hạn khi phát hành từ một (01) năm trở lên và kỳ hạn còn lại tại thời điểm mua lại trên một (01) năm:

$$GG = MG \times \frac{1}{(1 + L_t)^{(\frac{d}{E} + t - 1)}}$$

Trong đó:

GG = Giá mua lại một (01) công cụ nợ (được làm tròn xuống đơn vị đồng);

MG = Mệnh giá công cụ nợ;

---

[3] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 81/2020/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2020.

a = Số ngày kể từ ngày mua lại công cụ nợ cho đến ngày thanh toán tiền lãi kế tiếp theo giả định;

E = Số ngày trong kỳ trả lãi giả định mà công cụ nợ được mua lại;

t = Số lần trả lãi giả định kể từ ngày mua lại công cụ nợ đến ngày công cụ nợ đáo hạn;

Lt = Lãi suất mua lại công cụ nợ (%/năm).

c) Đối với công cụ nợ không thanh toán lãi định kỳ khác có kỳ hạn khi phát hành từ một (01) năm trở lên và kỳ hạn còn lại tại thời điểm mua lại từ một (01) năm trở xuống:

$$GG = MG \times \frac{1}{1 + L_t \times \frac{a}{E}}$$

Trong đó:

GG = Giá mua lại một (01) công cụ nợ (được làm tròn xuống đơn vị đồng);

MG = Mệnh giá công cụ nợ;

a = Số ngày kể từ ngày mua lại công cụ nợ cho đến ngày đáo hạn công cụ nợ;

E = Số ngày trong kỳ trả lãi giả định mà công cụ nợ được mua lại;

Lt = Lãi suất mua lại công cụ nợ (%/năm).

2. Xác định giá mua lại một (01) công cụ nợ có lãi suất danh nghĩa cố định, thanh toán lãi định kỳ và có các kỳ trả lãi bằng nhau

a) Đối với công cụ nợ bị mua lại có kỳ hạn còn lại trên một (01) năm tính từ thời điểm mua lại

- Trường hợp ngày mua lại công cụ nợ trước hoặc vào ngày đăng ký cuối cùng của kỳ trả lãi kế tiếp, giá mua lại một (01) công cụ nợ được xác định như sau:

$$GG = MG \times \left(1 + \frac{L_t}{k}\right)^{\left(1 - \frac{d}{E}\right)} \times \left\{\frac{L_C}{L_t} \times \left[1 - \frac{1}{\left(1 + \frac{L_t}{k}\right)^t}\right] + \frac{1}{\left(1 + \frac{L_t}{k}\right)^t}\right\}$$

- Trường hợp ngày mua lại công cụ nợ sau ngày đăng ký cuối cùng của kỳ trả lãi kế tiếp, giá mua lại một (01) công cụ nợ được xác định như sau:

$$GG = MG \times \frac{1}{\left(1+\frac{L_t}{k}\right)^{\left(\frac{d}{E}\right)}} x \left\{ \frac{L_c}{L_t} x \left[1 - \frac{1}{\left(1+\frac{L_t}{k}\right)^{(t-1)}} \right] + \frac{1}{\left(1+\frac{L_t}{k}\right)^{(t-1)}} \right\}$$

Trong đó:

GG = Giá mua lại một (01) công cụ nợ (được làm tròn xuống đơn vị đồng);

MG = Mệnh giá công cụ nợ;

L_c = Lãi suất danh nghĩa công cụ nợ (%/năm);

k = Số lần thanh toán lãi định kỳ trong 1 năm;

d = Số ngày thực tế giữa ngày mua lại công cụ nợ và ngày thanh toán tiền lãi kế tiếp;

E = Số ngày thực tế trong kỳ trả lãi mà công cụ nợ được mua lại;

t = Số lần thanh toán lãi công cụ nợ giữa ngày mua lại công cụ nợ và ngày đáo hạn của công cụ nợ;

Lt = Lãi suất mua lại công cụ nợ (%/năm).

b) Đối với công cụ nợ bị mua lại có kỳ hạn còn lại từ một (01) năm trở xuống tính từ thời điểm mua lại

- Đối với công cụ nợ được thanh toán lãi mười hai (12) tháng một lần, giá mua lại một (01) công cụ nợ được xác định như sau:

$$GG = MG \times \frac{L_c + 1}{1 + L_t \times \frac{d}{E}}$$

- Đối với công cụ nợ được thanh toán lãi sáu (06) tháng một lần

+ Trường hợp ngày mua lại công cụ nợ trước hoặc vào ngày đăng ký cuối cùng của kỳ trả lãi kế tiếp, giá mua lại một (01) công cụ nợ được xác định như sau:

$$GG = \frac{MG}{1 + \frac{L_t}{2} \times \left(\frac{d}{E} + t - 1\right)} + \frac{MG \times \frac{L_c}{2}}{1 + \frac{L_t}{2} \times \left(\frac{d}{E} + t - 1\right)} + \frac{MG \times \frac{L_c}{2} \times (t-1)}{1 + \frac{L_t}{2} \times \left(\frac{d}{E} + t - 2\right)}$$

+ Trường hợp ngày mua lại công cụ nợ sau ngày đăng ký cuối cùng của kỳ trả lãi kế tiếp, giá mua lại một (01) công cụ nợ được xác định như sau:

$$GG = MG \times \frac{\frac{L_c}{2} \times (t-1) + 1}{1 + \frac{L_t}{2} \times (\frac{d}{E} + t - 1)}$$

Trong đó:

GG = Giá mua lại một (01) công cụ nợ (được làm tròn xuống đơn vị đồng);

MG = Mệnh giá công cụ nợ;

L_c = Lãi suất danh nghĩa công cụ nợ (%/năm);

d = Số ngày thực tế giữa ngày mua lại công cụ nợ và ngày thanh toán tiền lãi kế tiếp;

E = Số ngày thực tế trong kỳ trả lãi mà công cụ nợ được mua lại;

t = Số lần thanh toán lãi công cụ nợ giữa ngày mua lại công cụ nợ và ngày đáo hạn của công cụ nợ;

Lt = Lãi suất mua lại công cụ nợ (%/năm).

3. Xác định giá mua lại một (01) công cụ nợ có lãi suất danh nghĩa cố định, thanh toán lãi định kỳ và có kỳ trả lãi đầu tiên ngắn hơn hoặc dài hơn so với các kỳ trả lãi tiếp theo

a) Đối với công cụ nợ bị mua lại có kỳ hạn còn lại trên một (01) năm tính từ thời điểm mua lại

- Trường hợp ngày mua lại công cụ nợ trước hoặc vào ngày đăng ký cuối cùng để nhận được tiền lãi công cụ nợ của kỳ trả lãi đầu tiên:

+ Trường hợp số ngày thực tế từ ngày mua lại công cụ nợ đến ngày thanh toán tiền lãi của kỳ trả lãi đầu tiên ngắn hơn một (01) kỳ trả lãi thông thường, giá mua một (01) công cụ nợ được xác định như sau:

$$GG = \frac{1}{\left(1 + \frac{L_t}{k}\right)^{\left(\frac{a1}{E}\right)}} \left\{ GL_1 + MG \times \left\{ \frac{L_c}{L_t} x \left[1 - \frac{1}{\left(1 + \frac{L_t}{k}\right)^{(t-1)}} \right] + \frac{1}{\left(1 + \frac{L_t}{k}\right)^{(t-1)}} \right\} \right\}$$

+ Trường hợp số ngày thực tế từ ngày mua lại công cụ nợ đến ngày thanh toán tiền lãi của kỳ trả lãi đầu tiên dài hơn hoặc bằng một (01) kỳ trả lãi thông thường, giá mua một (01) công cụ nợ được xác định như sau:

$$GG = \frac{1}{\left(1+\frac{L_t}{k}\right)^{\left(1+\frac{a2}{E}\right)}}\left\{GL_1 + MG \times \left\{\frac{L_c}{L_t}\, x\left[1 - \frac{1}{\left(1+\frac{L_t}{k}\right)^{(t-1)}}\right] + \frac{1}{\left(1+\frac{L_t}{k}\right)^{(t-1)}}\right\}\right\}$$

GG = Giá mua một (01) công cụ nợ (được làm tròn xuống đơn vị đồng);

GL_1 = Số tiền thanh toán lãi của một (01) công cụ nợ đối với kỳ trả lãi đầu tiên theo điều khoản của công cụ nợ khi phát hành lần đầu;

MG = Mệnh giá công cụ nợ;

L_t = Lãi suất mua lại công cụ nợ (%/năm);

Lc = Lãi suất danh nghĩa công cụ nợ (%/năm);

k = Số lần thanh toán lãi định kỳ trong 1 năm;

a1 = Số ngày thực tế giữa ngày mua lại công cụ nợ và ngày thanh toán tiền lãi công cụ nợ đầu tiên theo điều khoản của công cụ nợ khi phát hành lần đầu;

a2 = Số ngày thực tế từ ngày mua lại công cụ nợ đến ngày thanh toán tiền lãi thông thường theo giả định;

E = Số ngày trong kỳ trả lãi thông thường theo điều khoản của công cụ nợ khi phát hành lần đầu;

t = Số lần thanh toán lãi giữa ngày mua lại công cụ nợ và ngày đáo hạn của công cụ nợ.

- Trường hợp ngày mua lại công cụ nợ sau ngày đăng ký cuối cùng để nhận được tiền lãi công cụ nợ của kỳ trả lãi đầu tiên, giá mua lại một (01) công cụ nợ được xác định theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này.

b) Đối với công cụ nợ bị mua lại có kỳ hạn còn lại từ một (01) năm trở xuống tính từ thời điểm mua lại, giá mua lại một (01) công cụ nợ được xác định theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp lãi suất danh nghĩa công cụ nợ là lãi suất thả nổi, Bộ Tài chính thông báo cách xác định lãi suất và giá mua lại đối với từng đợt mua lại.

Chương III
TỔ CHỨC HOÁN ĐỔI CÔNG CỤ NỢ

Mục 1
HOÁN ĐỔI CÔNG CỤ NỢ THEO PHƯƠNG THỨC THỎA THUẬN

Điều 14. Các bước hoán đổi công cụ nợ đăng ký, lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam

1. Tối thiểu năm (5) ngày làm việc trước ngày tổ chức hoán đổi, chủ thể tổ chức phát hành công bố thông tin về đợt hoán đổi công cụ nợ trên trang tin điện tử của chủ thể tổ chức phát hành, Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Nội dung thông báo bao gồm:

a) Điều kiện, điều khoản của các công cụ nợ dự kiến bị hoán đổi, bao gồm: mã niêm yết, ngày phát hành, ngày đáo hạn, lãi suất danh nghĩa, phương thức thanh toán gốc, lãi.

b) Điều kiện, điều khoản của các công cụ nợ dự kiến được hoán đổi:

- Trường hợp công cụ nợ phát hành bổ sung, điều kiện, điều khoản bao gồm: mã niêm yết, ngày phát hành, ngày đáo hạn, lãi suất danh nghĩa, phương thức thanh toán lãi công cụ nợ.

- Trường hợp công cụ nợ phát hành lần đầu, điều kiện, điều khoản bao gồm: mã niêm yết dự kiến; ngày phát hành dự kiến; kỳ hạn dự kiến; nguyên tắc xác định lãi suất danh nghĩa; phương thức thanh toán lãi công cụ nợ.

c) Khối lượng công cụ nợ dự kiến bị hoán đổi;

d) Ngày cuối cùng chủ sở hữu công cụ nợ hoặc tổ chức được chủ sở hữu công cụ nợ ủy quyền thực hiện đăng ký tham gia hoán đổi công cụ nợ, đảm bảo tối thiểu là ba (03) ngày làm việc trước ngày tổ chức hoán đổi,

đ) Ngày Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam thực hiện phong tỏa công cụ nợ trên tài khoản lưu ký của chủ sở hữu đã đăng ký tham gia hoán đổi, đảm bảo tối thiểu là hai (02) ngày làm việc trước ngày tổ chức hoán đổi,

e) Ngày tổ chức hoán đổi, ngày hoán đổi công cụ nợ dự kiến.

2. Căn cứ vào thông báo về đợt hoán đổi, chủ sở hữu công cụ nợ bị hoán đổi có nhu cầu hoán đổi gửi chủ thể tổ chức phát hành đơn đăng ký hoán đổi theo mẫu quy định tại Phụ lục 7 Thông tư này. Các đơn đăng ký sau ngày đăng ký hoán đổi cuối cùng là không hợp lệ.

3. Sau ngày cuối cùng đăng ký hoán đổi, căn cứ thông tin đăng ký hoán đổi, chủ thể tổ chức phát hành thông báo cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam để phong tỏa số công cụ nợ đăng ký hoán đổi trên tài khoản lưu ký của chủ sở hữu công cụ nợ theo quy định tại Phụ lục 8 Thông tư này. Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam thực hiện phong tỏa số trái phiếu đăng ký hoán đổi của chủ sở hữu công cụ nợ, thông báo cho chủ thể tổ chức phát hành và thành viên lưu ký nơi chủ sở hữu công cụ nợ mở tài khoản lưu ký về việc phong tỏa.

4. Vào ngày tổ chức hoán đổi, căn cứ vào đơn đăng ký của chủ sở hữu công cụ nợ bị hoán đổi, điều kiện, điều khoản của công cụ nợ hoán đổi, chủ thể tổ chức phát hành thỏa thuận với chủ sở hữu công cụ nợ về nội dung hoán đổi theo quy định tại Thông tư này, cụ thể như sau:

a) Xác định mức lãi suất chiết khấu đối với công cụ bị hoán đổi và được hoán đổi theo quy định tại Điều 3 Thông tư này;

b) Xác định ngày hoán đổi; kỳ hạn còn lại của các loại công cụ nợ hoán đổi;

c) Xác định giá công cụ nợ bị hoán đổi; giá công cụ nợ được hoán đổi theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 21 Thông tư này.

d) Xác định khối lượng công cụ nợ bị hoán đổi bảo đảm không vượt quá khối lượng chủ sở hữu công cụ nợ đã đăng ký và được phong tỏa tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam; xác định số lượng công cụ nợ được hoán đổi trả lại cho chủ sở hữu công cụ nợ bị hoán đổi theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 21 Thông tư này.

5. Trường hợp thống nhất được với chủ sở hữu công cụ nợ về việc hoán đổi, chủ thể tổ chức phát hành và chủ sở hữu công cụ nợ ký hợp đồng hoán đổi theo mẫu tại Phụ lục 9 Thông tư này.

6. Căn cứ vào hợp đồng ký kết, chủ thể tổ chức phát hành công cụ nợ thông báo chi tiết kết quả hoán đổi cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo mẫu tại Phụ lục 10 Thông tư này để thực hiện việc đăng ký, lưu ký và niêm yết đối với công cụ nợ được hoán đổi, hủy đăng ký, rút lưu ký, hủy niêm yết đối với các công cụ nợ bị hoán đổi và ngừng phong tỏa công cụ nợ không thống nhất được với chủ sở hữu về việc hoán đổi.

7. Kết thúc đợt hoán đổi, chủ thể tổ chức phát hành công cụ nợ thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 28 Thông tư này.

Điều 15. Các bước hoán đổi công cụ nợ không đăng ký, lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam

1. Căn cứ vào đề án, phương án hoán đổi công cụ nợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chủ thể tổ chức phát hành thỏa thuận với chủ sở hữu công cụ nợ về nội dung hoán đổi theo quy định tại Thông tư này, cụ thể như sau:

a) Điều kiện, điều khoản của công cụ nợ bị hoán đổi và công cụ nợ được hoán đổi;

b) Mức lãi suất chiết khấu đối với công cụ bị hoán đổi và được hoán đổi theo quy định tại Điều 3 Thông tư này;

c) Ngày hoán đổi; kỳ hạn còn lại của các loại công cụ nợ hoán đổi;

d) Giá công cụ nợ bị hoán đổi; giá công cụ nợ được hoán đổi theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 21 Thông tư này;

đ) Thỏa thuận số lượng công cụ nợ bị hoán đổi và xác định số lượng công cụ nợ được hoán đổi trả lại cho chủ sở hữu công cụ nợ bị hoán đổi theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 21 Thông tư này.

2. Trường hợp thống nhất được với chủ sở hữu công cụ nợ về việc hoán đổi, chủ thể tổ chức phát hành và chủ sở hữu công cụ nợ ký hợp đồng hoán đổi theo mẫu tại Phụ lục 9 Thông tư này.

Mục 2
HOÁN ĐỔI CÔNG CỤ NỢ THEO PHƯƠNG THỨC ĐẤU THẦU

Điều 16. Nguyên tắc đấu thầu, hình thức đấu thầu và phương thức xác định giá trúng thầu

1. Nguyên tắc đấu thầu

a) Bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ giữa các nhà tạo lập thị trường theo đúng quy định của pháp luật;

b) Bảo mật mọi thông tin dự thầu của nhà tạo lập thị trường;

c) Căn cứ khung lãi suất hoán đổi của Bộ Tài chính và lãi suất của công cụ nợ có kỳ hạn còn lại tương đương trên thị trường, chủ thể tổ chức phát hành công bố lãi suất/giá của công cụ nợ bị hoán đổi và tổ chức đấu thầu lãi suất/giá của công cụ nợ được hoán đổi hoặc công bố lãi suất/giá của công cụ nợ được hoán đổi và tổ chức đấu thầu lãi suất/giá của công cụ nợ bị hoán đổi.

2. Hình thức đấu thầu

Đấu thầu hoán đổi công cụ nợ được thực hiện theo một (01) trong hai (02) hình thức, gồm:

a) Đấu thầu cạnh tranh lãi suất;

b) Đấu thầu kết hợp cạnh tranh lãi suất và không cạnh tranh lãi suất.

Trường hợp đợt đấu thầu được tổ chức theo hình thức kết hợp cạnh tranh lãi suất và không cạnh tranh lãi suất thì tổng khối lượng công cụ nợ đăng ký hoán đổi của nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất đảm bảo không vượt quá 30% tổng khối lượng công cụ nợ gọi thầu hoán đổi trong phiên đấu thầu.

3. Phương thức xác định kết quả trúng thầu

Kết quả trúng thầu công cụ nợ được xác định theo một (01) trong hai (02) phương thức sau:

a) Đơn giá;

b) Đa giá.

4. Chủ thể tổ chức phát hành thông báo cụ thể về hình thức đấu thầu, phương thức xác định kết quả trúng thầu đối với mỗi đợt đấu thầu hoán đổi.

Điều 17. Đối tượng được tham gia đấu thầu hoán đổi công cụ nợ

1. Là nhà tạo lập thị trường công cụ nợ của Chính phủ theo thông báo hàng năm của Bộ Tài chính.

2. Nhà tạo lập thị trường được đấu thầu hoán đổi công cụ nợ thuộc sở hữu của mình hoặc đấu thầu hoán đổi công cụ nợ cho khách hàng theo ủy quyền của chủ sở hữu công cụ nợ.

Điều 18. Các bước hoán đổi công cụ nợ

1. Tối thiểu bốn (4) ngày làm việc trước ngày tổ chức hoán đổi, chủ thể tổ chức phát hành công bố thông tin trên trang điện tử của chủ thể tổ chức phát hành và đề nghị Sở Giao dịch chứng khoán gửi thông báo cho toàn bộ nhà tạo lập thị trường và công bố thông tin trên trang tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán. Nội dung thông báo bao gồm:

a) Điều kiện, điều khoản các công cụ nợ dự kiến bị hoán đổi và được hoán đổi, bao gồm: mã niêm yết; ngày phát hành lần đầu; ngày đáo hạn; lãi suất danh nghĩa; phương thức thanh toán gốc, lãi;

b) Khối lượng công cụ nợ được hoán đổi hoặc bị hoán đổi dự kiến;

c) Ngày tổ chức hoán đổi và ngày hoán đổi;

d) Hình thức đấu thầu, phương thức xác định kết quả đấu thầu.

2. Chậm nhất vào 9 giờ 30 phút ngày tổ chức hoán đổi, chủ thể tổ chức phát hành thông báo lãi suất/giá của công cụ nợ bị hoán đổi (để đấu thầu lãi suất công cụ nợ được hoán đổi) hoặc lãi suất/giá công cụ nợ được hoán đổi (để đấu thầu lãi suất công cụ nợ bị hoán đổi) qua hệ thống đấu thầu của Sở Giao dịch chứng khoán và trên trang điện tử của mình.

3. Chậm nhất vào 10 giờ 30 phút ngày tổ chức hoán đổi, nhà tạo lập thị trường gửi Sở Giao dịch chứng khoán thông tin dự thầu bao gồm lãi suất công cụ nợ được hoán đổi hoặc bị hoán đổi theo mẫu đăng ký dự thầu do Sở Giao dịch Chứng khoán quy định. Mỗi nhà tạo lập thị trường và mỗi khách hàng của nhà tạo lập thị trường dự thầu cạnh tranh lãi suất được phép đặt tối đa năm (05) mức dự thầu đối với mỗi mã công cụ nợ gọi thầu, mỗi mức đặt thầu bao gồm lãi suất dự thầu (tính đến 2 chữ số thập phân) và khối lượng công cụ nợ dự thầu tương ứng. Đối với trường hợp đấu thầu hộ cho khách hàng, nhà tạo lập thị trường phải cung cấp đầy đủ tên khách hàng, mức lãi suất và khối lượng dự thầu tương ứng của mỗi khách hàng.

4. Chậm nhất mười lăm (15) phút sau thời gian đăng ký dự thầu cuối cùng quy định tại Khoản 5 Điều này, Sở Giao dịch Chứng khoán mở thầu, tổng hợp thông tin dự thầu và gửi cho chủ thể tổ chức phát hành công cụ nợ.

5. Căn cứ vào thông tin dự thầu tổng hợp nhận từ Sở Giao dịch Chứng khoán, chủ thể tổ chức phát hành công cụ nợ xác định mức lãi suất đối với mỗi mã công

cụ nợ được hoán đổi hoặc bị hoán đổi và thông báo cho Sở Giao dịch Chứng khoán để xác định kết quả đấu thầu công cụ nợ được hoán đổi theo quy định tại Điều 19 và kết quả đấu thầu công cụ nợ bị hoán đổi theo quy định tại Điều 20 Thông tư này.

6. Kết thúc phiên đấu thầu hoán đổi, Sở Giao dịch chứng khoán thông báo kết quả đấu thầu cho nhà tạo lập thị trường bằng dữ liệu điện tử thông qua hệ thống đấu thầu điện tử và thông báo cho cho chủ thể tổ chức phát hành, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam theo mẫu tại Phụ lục 11 Thông tư này. Sau khi nhận được thông báo, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam phong tỏa công cụ nợ bị hoán đổi đã trúng thầu hoán đổi.

7. Vào ngày hoán đổi, căn cứ vào kết quả đấu thầu, Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam thực hiện đăng ký, lưu ký, niêm yết đối với công cụ nợ được hoán đổi và hủy đăng ký, rút lưu ký, hủy niêm yết đối với các công cụ nợ bị hoán đổi theo quy định tại Thông tư này.

8. Kết thúc đợt hoán đổi công cụ nợ, chủ thể tổ chức phát hành thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 28 Thông tư này.

Điều 19. Xác định kết quả đấu thầu công cụ nợ được hoán đổi

Trường hợp chủ thể tổ chức phát hành công bố lãi suất/giá công cụ nợ bị hoán đổi và đấu thầu lãi suất công cụ nợ được hoán đổi thì kết quả đấu thầu công cụ nợ được hoán đổi xác định như sau:

1. Căn cứ để xác định lãi suất trúng thầu, khối lượng trúng thầu và giá công cụ nợ được hoán đổi:

a) Khối lượng công cụ nợ được hoán đổi gọi thầu;

b) Lãi suất và khối lượng công cụ nợ được hoán đổi dự thầu;

c) Khung lãi suất hoán đổi công cụ nợ theo quy định tại Điều 3 Thông tư này.

2. Phương pháp xác định lãi suất trúng thầu:

a) Đối với phương thức đấu thầu đơn giá: Lãi suất trúng thầu là mức lãi suất dự thầu cao nhất, áp dụng chung cho tất cả các nhà tạo lập thị trường trúng thầu (đấu thầu cạnh tranh và không cạnh tranh lãi suất) và được xét chọn theo thứ tự từ thấp đến cao của lãi suất dự thầu, thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Trong khung lãi suất do Bộ Tài chính quy định;

- Khối lượng công cụ nợ được hoán đổi tính lũy kế đến mức lãi suất trúng thầu không vượt quá khối lượng công cụ nợ thông báo được hoán đổi.

b) Đối với phương thức đấu thầu đa giá

- Lãi suất trúng thầu áp dụng cho mỗi nhà đầu tư trúng thầu cạnh tranh lãi suất là mức lãi suất dự thầu của nhà đầu tư đó được xét chọn theo thứ tự từ thấp đến cao, thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

+ Bình quân gia quyền các mức lãi suất trúng thầu không cao hơn khung lãi suất hoán đổi công cụ nợ do Bộ Tài chính quy định;

+ Khối lượng công cụ nợ hoán đổi tính lũy kế đến mức lãi suất trúng thầu cao nhất không vượt quá khối lượng công cụ nợ gọi thầu.

- Lãi suất trúng thầu áp dụng cho các nhà đầu tư đặt thầu dưới hình thức không cạnh tranh lãi suất là bình quân gia quyền của các mức lãi suất trúng thầu, được làm tròn xuống hai (02) chữ số thập phân.

3. Phương pháp xác định khối lượng công cụ nợ trúng thầu:

a) Đối với công cụ nợ được đấu thầu dưới hình thức cạnh tranh lãi suất:

Khối lượng công cụ nợ được hoán đổi cho mỗi nhà đầu tư dự thầu cạnh tranh lãi suất tương đương với khối lượng dự thầu của nhà đầu tư đó. Trường hợp tại mức lãi suất trúng thầu cao nhất, khối lượng dự thầu tính lũy kế đến mức lãi suất trúng thầu cao nhất vượt quá khối lượng gọi thầu thì sau khi đã trừ đi khối lượng dự thầu ở các mức lãi suất thấp hơn, phần còn lại của khối lượng gọi thầu được

phân bổ cho các nhà đầu tư dự thầu tại mức lãi suất trúng thầu cao nhất theo tỷ lệ tương ứng với khối lượng dự thầu. Khối lượng công cụ nợ phân bổ cho các nhà đầu tư được làm tròn xuống hàng 10.000 (mười nghìn) đơn vị. Phần lẻ còn lại sau khi làm tròn được phân bổ cho nhà đầu tư đầu tiên đặt thầu tại mức lãi suất thực hiện phân bổ, trường hợp phân bổ phần lẻ vượt quá mức đặt thầu của nhà đầu tư này thì phần vượt quá được phân bổ cho nhà đầu tư đặt thầu tiếp theo cho đến hết khối lượng công cụ nợ gọi thầu.

b) Đối với công cụ nợ được đấu thầu dưới hình thức kết hợp cạnh tranh lãi suất và không cạnh tranh lãi suất:

- Khối lượng công cụ nợ được hoán đổi cho mỗi nhà đầu tư dự thầu cạnh tranh lãi suất tương đương với khối lượng dự thầu của nhà đầu tư đó. Trường hợp tại mức lãi suất trúng thầu cao nhất, khối lượng dự thầu tính lũy kế đến mức lãi suất trúng thầu cao nhất vượt quá khối lượng gọi thầu thì sau khi đã trừ đi khối lượng dự thầu từ các nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất và khối lượng dự thầu ở các mức lãi suất thấp hơn, phần còn lại của khối lượng công cụ nợ gọi thầu được phân bổ cho các nhà đầu tư dự thầu tại mức lãi suất trúng thầu cao nhất theo tỷ lệ tương ứng với khối lượng dự thầu và được làm tròn xuống hàng 10.000 (mười nghìn) đơn vị. Phần lẻ còn lại sau khi làm tròn được phân bổ cho nhà đầu tư đầu tiên đặt thầu tại mức lãi suất thực hiện phân bổ, trường hợp phân bổ phần lẻ vượt quá mức đặt thầu của nhà đầu tư này thì phần vượt quá được phân bổ cho nhà đầu tư đặt thầu tiếp theo cho đến hết khối lượng công cụ nợ gọi thầu trừ đi khối lượng công cụ nợ phát hành cho các nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất.

- Khối lượng công cụ nợ được hoán đổi cho mỗi nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất tương đương với khối lượng dự thầu của nhà đầu tư đó. Trường hợp tổng khối lượng dự thầu vượt quá giới hạn quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 16 Thông tư này, khối lượng công cụ nợ được hoán đổi phân bổ

cho mỗi nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất theo tỷ lệ tương ứng với khối lượng dự thầu của nhà đầu tư đó và được làm tròn xuống hàng 10.000 (mười nghìn) đơn vị. Phần lẻ còn lại sau khi làm tròn được phân bổ cho nhà đầu tư đầu tiên đặt thầu không cạnh tranh lãi suất, trường hợp phân bổ phần lẻ vượt quá mức đặt thầu không cạnh tranh lãi suất của nhà đầu tư này thì phần vượt quá được phân bổ cho nhà đầu tư đặt thầu tiếp theo cho đến hết khối lượng công cụ nợ gọi thầu không cạnh tranh lãi suất.

- Trường hợp tất cả các nhà đầu tư dự thầu cạnh tranh lãi suất không trúng thầu, công cụ nợ sẽ không được phân bổ cho các nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất.

Ví dụ minh họa xác định lãi suất trúng thầu, lãi suất danh nghĩa và phân bổ khối lượng trúng thầu tại Phụ lục 12 Thông tư này.

Điều 20. Xác định kết quả đấu thầu công cụ nợ bị hoán đổi

Trường hợp chủ thể tổ chức phát hành công bố lãi suất/giá công cụ nợ được hoán đổi và đấu thầu lãi suất công cụ nợ bị hoán đổi thì kết quả đấu thầu công cụ nợ bị hoán đổi xác định như sau:

1. Căn cứ để xác định lãi suất trúng thầu, khối lượng trúng thầu và giá công cụ nợ bị hoán đổi:

a) Khối lượng công cụ nợ bị hoán đổi gọi thầu;

b) Lãi suất và khối lượng công cụ nợ bị hoán đổi dự thầu;

c) Khung lãi suất hoán đổi công cụ nợ theo quy định tại Điều 3 Thông tư này.

2. Phương pháp xác định lãi suất trúng thầu:

a) Đối với phương thức đấu thầu đơn giá: Lãi suất trúng thầu là mức lãi suất dự thầu thấp nhất, áp dụng chung cho tất cả các nhà đầu tư (cạnh tranh và không cạnh tranh lãi suất) được xét chọn theo thứ tự từ cao đến thấp, thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Trong khung lãi suất do Bộ Tài chính quy định;

- Khối lượng công cụ nợ bị hoán đổi tính lũy kế đến mức lãi suất trúng thầu không vượt quá khối lượng công cụ nợ thông báo bị hoán đổi.

b) Đối với phương thức đấu thầu đa giá

- Lãi suất trúng thầu áp dụng cho mỗi nhà đầu tư cạnh tranh lãi suất là mức lãi suất dự thầu của nhà đầu tư đó được xét chọn theo thứ tự từ cao đến thấp, thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

+ Bình quân gia quyền các mức lãi suất trúng thầu không thấp hơn khung lãi suất tối thiểu hoán đổi công cụ nợ do Bộ Tài chính quy định;

+ Khối lượng công cụ nợ hoán đổi tính lũy kế đến mức lãi suất trúng thầu thấp nhất không vượt quá khối lượng công cụ nợ gọi thầu.

- Lãi suất trúng thầu áp dụng cho các nhà đầu tư đặt thầu dưới hình thức không cạnh tranh lãi suất là bình quân gia quyền của các mức lãi suất trúng thầu, được làm tròn xuống tới hai (02) chữ số thập phân.

3. Phương pháp xác định khối lượng công cụ nợ trúng thầu cho từng nhà đầu tư:

a) Đối với công cụ nợ được đấu thầu dưới hình thức cạnh tranh lãi suất:

Khối lượng công cụ nợ bị hoán đổi cho mỗi nhà đầu tư dự thầu cạnh tranh lãi suất tương đương với khối lượng dự thầu của nhà đầu tư đó. Trường hợp tại mức lãi suất trúng thầu thấp nhất, khối lượng dự thầu tính lũy kế đến mức lãi suất trúng thầu thấp nhất vượt quá khối lượng gọi thầu thì sau khi đã trừ đi khối lượng dự thầu ở các mức lãi suất cao hơn, phần còn lại của khối lượng gọi thầu được phân bổ cho các nhà đầu tư dự thầu tại mức lãi suất trúng thầu thấp nhất theo tỷ lệ tương ứng với khối lượng dự thầu. Khối lượng công cụ nợ phân bổ cho các nhà đầu tư được làm tròn xuống hàng 10.000 (mười nghìn) đơn vị. Phần lẻ còn lại sau khi làm tròn được ưu tiên phân bổ cho nhà đầu tư đầu tiên đặt thầu tại mức lãi suất thực

hiện phân bổ, trường hợp phân bổ phần lẻ vượt quá mức đặt thầu của nhà đầu tư này thì phần vượt quá được phân bổ cho nhà đầu tư đặt thầu tiếp theo cho đến hết khối lượng công cụ nợ gọi thầu.

b) Đối với công cụ nợ được đấu thầu dưới hình thức kết hợp cạnh tranh lãi suất và không cạnh tranh lãi suất:

- Khối lượng công cụ nợ bị hoán đổi của mỗi nhà đầu tư dự thầu cạnh tranh lãi suất tương đương với khối lượng dự thầu của nhà đầu tư đó. Trường hợp tại mức lãi suất trúng thầu thấp nhất, khối lượng dự thầu tính lũy kế đến mức lãi suất trúng thầu thấp nhất vượt quá khối lượng gọi thầu thì sau khi đã trừ đi khối lượng dự thầu ở các mức lãi suất cao hơn và khối lượng dự thầu từ các nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất, phần còn lại của khối lượng công cụ nợ gọi thầu được phân bổ cho các nhà đầu tư dự thầu tại mức lãi suất trúng thầu thấp nhất theo tỷ lệ tương ứng với khối lượng dự thầu và được làm tròn xuống hàng 10.000 (mười nghìn) đơn vị. Phần lẻ còn lại sau khi làm tròn được ưu tiên phân bổ cho nhà đầu tư đầu tiên đặt thầu tại mức lãi suất thực hiện phân bổ, trường hợp phân bổ phần lẻ vượt quá mức đặt thầu của nhà đầu tư này thì phần vượt quá được phân bổ cho nhà đầu tư đặt thầu tiếp theo cho đến hết khối lượng công cụ nợ gọi thầu trừ đi khối lượng công cụ nợ phát hành cho các nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất.

- Khối lượng công cụ nợ bị hoán đổi của mỗi nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất tương đương với khối lượng dự thầu của nhà đầu tư đó. Trường hợp tổng khối lượng dự thầu vượt quá giới hạn quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 16 Thông tư này, khối lượng công cụ nợ bị hoán đổi phân bổ cho mỗi nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất theo tỷ lệ tương ứng với khối lượng dự thầu của nhà đầu tư đó và được làm tròn xuống hàng 10.000 (mười nghìn) đơn vị. Phần lẻ còn lại sau khi làm tròn được phân bổ cho nhà đầu tư đầu tiên đặt thầu không cạnh tranh lãi suất, trường hợp phân bổ phần lẻ vượt quá mức đặt thầu không

cạnh tranh lãi suất của nhà đầu tư này thì phần vượt quá được phân bổ cho nhà đầu tư đặt thầu tiếp theo cho đến hết khối lượng công cụ nợ gọi thầu không cạnh tranh lãi suất.

- Trường hợp tất cả các nhà đầu tư dự thầu cạnh tranh lãi suất không trúng thầu, công cụ nợ sẽ không được phân bổ cho các nhà đầu tư dự thầu không cạnh tranh lãi suất.

Ví dụ minh họa xác định lãi suất trúng thầu và phân bổ khối lượng trúng thầu tại Phụ lục 13 Thông tư này.

(Xem tiếp Công báo số 19 + 20)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng